

# Điểm xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2016

hỉ tiêu: 5.500, Mã Trường: DDT - <http://tuyensinh.duytan.edu.vn>

**I. VÙNG TUYỂN SINH: Tuyển sinh trong cả nước**

**II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH: Trường thực hiện 2 phương thức xét tuyển**

**1) Xét kết quả kỳ thi THPT quốc gia vào TẤT CẢ các ngành đào tạo của trường**

**Điểm Xét tuyển = tổng điểm thi 3 môn + điểm ưu tiên (theo Khu vực và Đối tượng) = 15 điểm**

Trong đó: điểm Xét tuyển

- Ngành **Bác sĩ Đa khoa**: 20 điểm
- Ngành **Dược sĩ Đại học**: 16,5 điểm
- Ngành **Thiết kế số**: 17 điểm
- Ngành **Ngôn ngữ Anh** (môn Anh Văn không nhân hệ số 2): 15 điểm
- Ngành **Kiến trúc** (môn Vẽ nhân hệ số 2):
  - o Chương trình trong nước: 15 điểm
  - o Chương trình chuẩn CSU (Mỹ): 18,5 điểm
- Tất cả các ngành còn lại: 15 điểm

- Điểm cộng theo Khu vực: **khu vực 1**: +1.5 điểm; khu vực 2NT: +1 điểm; khu vực 2: +0.5 điểm

- Điểm cộng theo Đối tượng: **đối tượng 1-4**: +2 điểm; đối tượng 5-7: +1 điểm

Thí sinh không đủ điểm Xét tuyển theo phương thức 1, hãy chọn Xét tuyển theo Học bạ THPT

**2) Xét kết quả Học bạ 2 học kỳ lớp 12 vào TẤT CẢ các ngành, trừ ngành Dược sĩ và Bác sĩ Đa khoa**

**Điểm Xét tuyển = điểm TB môn 1 + điểm TB môn 2 + điểm TB môn 3**

Trong đó:

\* Điểm trung bình chung xét tuyển 3 môn (không tính điểm ưu tiên) đạt từ 6,0 điểm trở lên **đối với bậc Đại học; bậc Cao đẳng chỉ cần tốt nghiệp THPT;**

\* Ngành **Kiến trúc**: Điểm trung bình chung xét tuyển 2 môn đạt từ **6,0** điểm trở lên;

\* Môn **Vẽ Mỹ thuật/Vẽ Hình họa**: Thí sinh dùng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật hoặc môn Vẽ Hình họa tại các trường đại học có tổ chức thi trong cả nước.

**Ghi chú:**

Thí sinh Xét tuyển theo hệ Liên thông, điểm Xét tuyển bằng điểm Xét tuyển các ngành đào tạo bậc Đại học Chính quy.

### III. TÊN NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH, ĐIỂM XÉT TUYỂN VÀ TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

#### 1. Chương trình đào tạo trong nước

##### 1.1. Bậc Đại học

| TT       | Ngành học                                                                | Mã ngành/<br>Chuyên ngành | Điểm Xét<br>tuyển | Môn Xét tuyển<br>(Chọn 1 trong các<br>tổ hợp)                                        |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>Ngành Kỹ thuật Phần mềm</b><br>có các chuyên ngành:                   | <b>D480103</b>            |                   | 1. Toán, Lý, Hóa<br>2. Toán, Lý, Văn<br>3. Toán, Văn, Ngoại ngữ<br>4. Toán, Hóa, Văn |
|          | + Kỹ thuật Mạng máy tính                                                 | 101                       | 15                |                                                                                      |
|          | + Công nghệ Phần mềm                                                     | 102                       | 15                |                                                                                      |
|          | + Thiết kế Đồ họa /Game/Multimedia                                       | 111                       | 15                |                                                                                      |
| <b>2</b> | <b>Ngành Hệ thống thông tin Quản lý</b><br>có chuyên ngành:              | <b>D340405</b>            |                   | 4. Toán, Hóa, Văn                                                                    |
|          | + Hệ thống Thông tin Quản lý                                             | 410                       | 15                |                                                                                      |
| <b>3</b> | <b>Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng</b><br>có chuyên ngành:            | <b>D580201</b>            |                   | 1. Toán, Lý, Hóa<br>2. Toán, Lý, Văn<br>3. Toán, Văn, Ngoại ngữ<br>4. Toán, Hóa, Văn |
|          | + Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp                                        | 105                       | 15                |                                                                                      |
| <b>4</b> | <b>Ngành Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng</b> có các chuyên ngành: | <b>D510102</b>            |                   |                                                                                      |
|          | + Xây dựng Cầu đường                                                     | 106                       | 15                |                                                                                      |
|          | + Công nghệ quản lý xây dựng                                             | 206                       | 15                |                                                                                      |
| <b>5</b> | <b>Ngành Kiến trúc</b> có các chuyên                                     | <b>D580102</b>            |                   | 1. Toán, Lý, Vẽ Mỹ                                                                   |

|           |                                                                       |                |    |                                                                                    |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|----------------|----|------------------------------------------------------------------------------------|
|           | ngành:                                                                |                |    | thuật                                                                              |
|           | + Kiến trúc Công trình                                                | 107            | 15 |                                                                                    |
|           | + Kiến trúc Nội thất                                                  | 108            | 15 | 2. Toán, Văn, Về Mỹ thuật<br>3. Toán, Văn, Về Hình họa<br>4. Toán, Lý, Về Hình họa |
| <b>6</b>  | <b>Ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử</b> có các chuyên ngành:   | <b>D510301</b> |    | 1. Toán, Lý, Hóa                                                                   |
|           | + Điện Tự động                                                        | 110            | 15 | 2. Toán, Lý, Văn                                                                   |
|           | + Thiết kế Số                                                         | 104            | 17 | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ                                                            |
|           | + Điện tử - Viễn thông                                                | 109            | 15 | 4. Toán, Hóa, Văn                                                                  |
| <b>7</b>  | <b>Ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường</b><br>có chuyên ngành:        | <b>D510406</b> |    | 1. Toán, Lý, Hóa                                                                   |
|           | + Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường                                     | 301            | 15 | 2. Toán, Lý, Văn                                                                   |
| <b>8</b>  | <b>Ngành Quản lý Tài nguyên &amp; Môi trường</b><br>có chuyên ngành : | <b>D850101</b> |    | 3. Toán, Hóa, Sinh                                                                 |
|           | + Quản lý Tài nguyên & Môi trường                                     | 307            | 15 | 4. Toán, Hóa, Văn                                                                  |
| <b>9</b>  | <b>Ngành Quản trị Kinh doanh</b><br>có các chuyên ngành:              | <b>D340101</b> |    |                                                                                    |
|           | + Quản trị Kinh doanh Tổng hợp                                        | 400            | 15 | 1. Toán, Lý, Hóa                                                                   |
|           | + Quản trị Kinh doanh Marketing                                       | 401            | 15 | 2. Toán, Lý, Văn                                                                   |
|           | + Ngoại thương (QTKD Quốc tế)                                         | 411            | 15 |                                                                                    |
|           | + Kinh doanh thương mại                                               | 412            | 15 |                                                                                    |
| <b>10</b> | <b>Ngành Tài chính - Ngân hàng</b><br>có các chuyên ngành:            | <b>D340201</b> |    | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ                                                            |
|           | + Tài chính Doanh nghiệp                                              | 403            | 15 | 4. Toán, Hóa, Văn                                                                  |
|           | + Ngân hàng                                                           | 404            | 15 |                                                                                    |
| <b>11</b> | <b>Ngành Kế toán</b> có các chuyên ngành:                             | <b>D340301</b> |    |                                                                                    |
|           | + Kế toán Kiểm toán                                                   | 405            | 15 |                                                                                    |
|           | + Kế toán Doanh nghiệp                                                | 406            | 15 |                                                                                    |

|           |                                                                       |                |      |                                                                      |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------|----------------|------|----------------------------------------------------------------------|
| <b>12</b> | <b>Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành</b> có các chuyên ngành: | <b>D340103</b> |      | 1. Toán, Lý, Hóa                                                     |
|           | + Quản trị Du lịch & Khách sạn                                        | 407            | 15   | 2. Toán, Lý, Ngoại Ngữ                                               |
|           | + Quản trị Du lịch & Lữ hành                                          | 408            | 15   | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ<br>4. Văn, Sử, Địa                           |
| <b>13</b> | <b>Ngành Ngôn ngữ Anh</b> có các chuyên ngành:                        | <b>D220201</b> |      | 1. Toán, Văn, Tiếng Anh                                              |
|           | + Tiếng Anh Biên - Phiên dịch                                         | 701            | 15   | 2. Văn, Sử, Tiếng Anh                                                |
|           | + Tiếng Anh Du lịch                                                   | 702            | 15   | 3. Văn, Địa, Tiếng Anh                                               |
| <b>14</b> | <b>Ngành Điều dưỡng</b> có chuyên ngành:                              | <b>D720501</b> |      | 1. Toán, Lý, Hóa                                                     |
|           | + Điều dưỡng Đa khoa                                                  | 302            | 15   | 2. Toán, Hóa, Sinh                                                   |
| <b>15</b> | <b>Ngành Dược sỹ</b> có chuyên ngành:                                 | <b>D720401</b> |      | 3. Toán, Văn, Sinh                                                   |
|           | + Dược sỹ (Đại học)                                                   | 303            | 16.5 | 4. Toán, Văn, Hóa                                                    |
| <b>16</b> | <b>Ngành Y đa khoa</b> có chuyên ngành:                               | <b>D720101</b> |      | Toán, Hóa, Sinh                                                      |
|           | + Bác sĩ Đa khoa                                                      | 305            | 20   |                                                                      |
| <b>17</b> | <b>Ngành Luật kinh tế</b> có chuyên ngành:                            | <b>D380107</b> |      | 1. Toán, Lý, Hóa                                                     |
|           | + Luật Kinh tế                                                        | 609            | 15   | 2. Toán, Lý, Ngoại Ngữ<br>3. Toán, Văn, Ngoại ngữ<br>4. Văn, Sử, Địa |
| <b>18</b> | <b>Ngành Văn học</b> có chuyên ngành:                                 | <b>D220330</b> |      | 1. Văn, Sử, Địa                                                      |
|           | + Văn - Báo chí                                                       | 601            | 15   | 2. Toán, Văn, Ngoại ngữ                                              |
| <b>19</b> | <b>Ngành Việt Nam học</b> có chuyên ngành:                            | <b>D220113</b> |      | 3. Văn, Sử, Ngoại ngữ                                                |
|           | + Văn hoá Du lịch                                                     | 605            | 15   | 4. Văn, Địa, Ngoại ngữ                                               |
| <b>20</b> | <b>Ngành Quan hệ Quốc tế</b> có chuyên ngành:                         | <b>D310206</b> |      |                                                                      |
|           | + Quan hệ Quốc tế                                                     | 608            | 15   |                                                                      |

|    |                                                  |                |    |                                                                                        |
|----|--------------------------------------------------|----------------|----|----------------------------------------------------------------------------------------|
| 21 | <b>Ngành Công nghệ Thực phẩm</b> có chuyên ngành | <b>D540101</b> |    |                                                                                        |
|    | + Công nghệ Thực phẩm                            | <b>306</b>     | 15 | 1. Toán, Lý, Hóa<br>2. Toán, Hóa, Sinh<br>3. Toán, Văn, Hóa<br>4. Toán, Văn, Ngoại ngữ |

**Ghi chú:** Thí sinh đăng ký xét tuyển theo **MÃ NGÀNH** đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.

## 1.2. Bậc Cao đẳng

| TT | Ngành học                              | Mã ngành | Điều kiện Xét tuyển    |
|----|----------------------------------------|----------|------------------------|
| 1  | Công nghệ Thông tin                    | C480201  | <b>Tốt nghiệp THPT</b> |
| 2  | Công nghệ Kỹ thuật Công trình Xây dựng | C510102  |                        |
| 3  | Công nghệ Kỹ thuật Điện - Điện tử      | C510301  |                        |
| 4  | Kế toán                                | C340301  |                        |
| 5  | Quản trị & Nghiệp vụ Marketing         | C340101  |                        |
| 6  | Tài chính - Ngân hàng                  | C340201  |                        |
| 7  | Đồ họa Máy tính & Multimedia           | C480201  |                        |
| 8  | Quản trị Khách sạn                     | C340107  |                        |
| 9  | Điều dưỡng                             | C720501  |                        |
| 10 | Anh văn                                | C220201  |                        |
| 11 | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường          | C510406  |                        |
| 12 | Văn hóa Du lịch                        | C220113  |                        |

## 2. Chương trình hợp tác quốc tế về đào tạo (Chương trình Tiên tiến & Quốc tế)

### 2.1. Bậc Đại học

| TT | Ngành học | Mã ngành/<br>Chuyên ngành | Điểm Xét tuyển | Môn Xét tuyển<br>(Chọn 1 trong các tổ hợp) |
|----|-----------|---------------------------|----------------|--------------------------------------------|
|----|-----------|---------------------------|----------------|--------------------------------------------|

|   |                                                               |                |      |                               |
|---|---------------------------------------------------------------|----------------|------|-------------------------------|
| 1 | <b>Ngành Kỹ thuật Phần mềm</b><br>có các chuyên ngành:        | <b>D480103</b> |      | 1. Toán, Lý, Hóa              |
|   | + An ninh Mạng máy tính chuẩn CMU                             | 101(CMU)       | 15   | 2. Toán, Lý, Văn              |
|   | + Công nghệ Phần mềm chuẩn CMU                                | 102(CMU)       | 15   | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ       |
| 2 | <b>Ngành Hệ thống thông tin Quản lý</b><br>có chuyên ngành:   | <b>D340405</b> |      | 4. Toán, Hóa, Văn             |
|   | + Hệ thống Thông tin Quản lý chuẩn CMU                        | 410(CMU)       | 15   | 1. Toán, Lý, Hóa              |
|   |                                                               |                |      | 2. Toán, Lý, Văn              |
| 3 | <b>Ngành Kỹ thuật Công trình Xây dựng</b><br>có chuyên ngành: | <b>D580201</b> |      | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ       |
|   | + Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU                   | 105(CSU)       | 15   | 4. Toán, Hóa, Văn             |
|   |                                                               |                |      | 1. Toán, Lý, Hóa              |
| 4 | <b>Ngành Kiến trúc</b> có chuyên ngành:                       | <b>D580102</b> |      | 2. Toán, Lý, Văn              |
|   | + Kiến trúc Công trình chuẩn CSU                              | 107(CSU)       | 18,5 | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ       |
|   |                                                               |                |      | 4. Toán, Hóa, Văn             |
| 5 | <b>Ngành Quản trị Kinh doanh</b><br>có chuyên ngành:          | <b>D340101</b> |      | 1. Toán, Lý, Văn, Vẽ Mỹ thuật |
|   | + Quản trị Kinh doanh chuẩn PSU                               | 400(PSU)       | 15   | 2. Toán, Văn, Vẽ Hình họa     |
|   |                                                               |                |      | 3. Toán, Văn, Vẽ Hình họa     |
| 7 | <b>Ngành Tài chính- Ngân hàng</b><br>có chuyên ngành          | <b>D340201</b> |      | 4. Toán, Lý, Vẽ Hình họa      |
|   | + Tài chính - Ngân hàng chuẩn PSU                             | 404(PSU)       | 15   | 1. Toán, Lý, Hóa              |
|   |                                                               |                |      | 2. Toán, Lý, Văn              |

|          |                                                                          |                |    |                                            |
|----------|--------------------------------------------------------------------------|----------------|----|--------------------------------------------|
| <b>8</b> | <b>Ngành Kế toán</b> có chuyên ngành                                     | <b>D340301</b> |    |                                            |
|          | + Kế toán chuẩn PSU                                                      | 405(PSU)       | 15 |                                            |
| <b>6</b> | <b>Ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành</b><br>có các chuyên ngành: | <b>D340103</b> |    | 1. Toán, Lý, Hóa<br>2. Toán, Lý, Ngoại Ngữ |
|          | + Quản trị Du lịch & Khách sạn chuẩn PSU                                 | 407(PSU)       | 15 | 3. Toán, Văn, Ngoại ngữ                    |
|          | + Quản trị Du lịch & Nhà hàng chuẩn PSU                                  | 409(PSU)       | 15 | 4. Văn, Sử, Địa                            |

**Ghi chú:** Thí sinh đăng ký xét tuyển theo **MÃ NGÀNH** đào tạo và được quyền chọn các chuyên ngành thuộc mã ngành xét tuyển để học.

## 2.2. Bậc Cao đẳng

| TT | Ngành học                       | Mã ngành | Điều kiện Xét tuyển    |
|----|---------------------------------|----------|------------------------|
| 1  | Công nghệ Thông tin chuẩn CMU   | C480201  | <b>Tốt nghiệp THPT</b> |
| 2  | Kế toán chuẩn PSU               | C340301  |                        |
| 3  | Tài chính - Ngân hàng chuẩn PSU | C340201  |                        |
| 4  | Quản trị Khách sạn chuẩn PSU    | C340107  |                        |

## 3. Chương trình liên kết đào tạo với các đại học nước ngoài: Du học & Du học tại chỗ

## V. THỜI GIAN NHẬN HỒ SƠ XÉT TUYỂN & NHẬP HỌC

\* Nhận hồ sơ **XÉT TUYỂN bằng Học bạ**: từ ngày **01.7.2016**

\* Nhận hồ sơ **XÉT TUYỂN bằng kết quả kì thi THPT quốc gia**: từ ngày **01.8.2016**

\* Thời gian **NHẬP HỌC**: từ **15.8 đến 30.9.2016**

## VI. HỒ SƠ XÉT TUYỂN

\* **Hồ sơ Xét tuyển theo Học bạ THPT gồm**: bản sao Học bạ THPT, Đơn Xét tuyển bằng Học bạ

([Tải Tại đây](#))

\* **Hồ sơ Xét tuyển theo Kết quả Kỳ thi THPT Quốc gia gồm**: Phiếu Đăng ký Xét tuyển (ĐKXT)

([Tải Tại đây](#)), Bản sao Giấy chứng nhận Kết quả thi THPT, 01 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, email (nếu có) và số điện thoại của thí sinh, Bản sao các giấy tờ chứng nhận ưu tiên (nếu có).

## VII. HỌC BỔNG & CHỖ TRỌ

\* **50** Suất học bổng **TOÀN PHẦN & BÁN PHẦN** cho chương trình **Du học tại chỗ lấy bằng Mỹ**. Tổng giá trị học bổng gần 16 TỶ đồng, áp dụng đối với thí sinh có kết quả 3 môn thi tương ứng khối thi từ Kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ 21 điểm trở lên;

\* **1.200** Suất học bổng với tổng trị giá gần 5 tỉ đồng cho mùa tuyển sinh 2016;

\* **Học bổng 1 Triệu VNĐ** cho tất cả những thí sinh có hộ khẩu tại Quảng Bình, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa đăng ký vào học một trong các chuyên ngành: Thiết kế số, Điện tử động, Điều dưỡng đa khoa, Thiết kế đồ họa/ Game/ Multimedia.

\***Học bổng 20% học phí** năm đầu tiên cho mọi thí sinh đăng ký học chuyên ngành Công nghệ & Kỹ thuật Môi trường, Kiến trúc Công trình, Kiến trúc Nội thất, Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp, Xây dựng Cầu đường.

\* Học bổng 100% học phí năm đầu tiên cho những thí sinh đăng ký vào học chuyên ngành Bác sĩ Đa khoa có điểm xét tuyển 3 môn (Toán, Hóa, Sinh) của Kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ 24,5 điểm trở lên.

\* **Học bổng 100% học phí** năm đầu tiên cho những thí sinh đăng ký vào học bất kỳ chuyên ngành nào (trừ chuyên ngành Bác sĩ Đa khoa) có điểm xét tuyển 3 môn của Kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ 24 điểm trở lên.

\* **Học bổng 50% học phí** năm đầu tiên cho những thí sinh đăng ký vào học bất kỳ chuyên ngành nào (trừ chuyên ngành Bác sĩ Đa khoa) có điểm xét tuyển 3 môn của Kỳ thi THPT Quốc gia đạt từ 23 điểm trở lên.

\***Học bổng chương trình Tiên tiến & Quốc tế**

- 15 suất học bổng của Hãng máy bay Boeing (Mỹ): 20 triệu VNĐ/suất.

- 10 suất học bổng của Đại học Bang Pennsylvania (Penn State, Mỹ): 10 triệu VNĐ/suất.

- 10 suất học bổng có giá trị bằng 50% học phí năm đầu tiên của Đại học Bang California, Mỹ cho những thí sinh đăng ký vào học chuyên ngành Kiến trúc Công trình chuẩn CSU.

- 10 suất học bổng có giá trị bằng 30% học phí toàn khóa học của Đại học Bang California, Mỹ cho những thí sinh đăng ký vào học chuyên ngành Xây dựng Dân dụng & Công nghiệp chuẩn CSU.

- 40 suất học bổng của Đại học Duy Tân cho các Chương trình Tiên tiến & Quốc tế CMU, PSU và CSU: 5 triệu VNĐ/suất.

\* **Học bổng theo Phương thức Xét học Bạ THPT**

Học bổng được cấp cho những thí sinh có tổng điểm 3 môn xét tuyển:

- $\geq 24$  điểm: 250 suất, mỗi suất 2.000.000 VNĐ;
- $\geq 22$  điểm: 200 suất, mỗi suất 1.000.000 VNĐ;
- $\geq 21$  điểm: 150 suất, mỗi suất 500.000 VNĐ.

**\* Chỗ trọ: 3.000 chỗ trọ - Ký túc xá cho mùa tuyển sinh 2016.**